

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 550/2024/DS-PT
Ngày: 19 - 11 - 2024
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Trung Hiếu**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Mai Thị Đào Uyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 341/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2024/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 466/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lưu Phương T**, sinh năm 1950 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:

1. Bà **Lê Thị E**, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Lợi Tường, xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

2. Chị **Lê Thị Kim N**, sinh năm 1992 (Có mặt).

3. Anh **Võ Thanh T1**, sinh năm 1986 (Có mặt).

Cùng HKTT: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Cùng địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lưu Phương T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Lưu Phương T trình bày: Nguyên ông và gia đình của bà E, chị N, anh T1 là chỗ quen biết nên gia đình bà E cần tiền vay vốn làm ăn nên có đến hỏi ông số tiền cụ thể như sau: Vào ngày 29/9/2013 bà E và chị N có vay của ông số tiền là 120.000.000đồng và 11 chỉ vàng 24K các bên có làm biên nhận làm tin và chữ ký xác nhận của bà E và chị N trong biên nhận.

Vào ngày 29/11/2013 anh T1 và chị N có vay của ông số tiền là 40.000.000đồng chưa trả.

Vào ngày 4/12/2016 anh T1 có vay của ông số tiền là 20.000.000đồng và có làm biên nhận làm tin có chữ ký tên của anh T1 vào biên nhận. Anh T1 đã có trả được cho ông được 10.000.000đồng và ông xác định anh T1 còn nợ ông số tiền vay là 10.000.000đồng chưa trả. Khi vay tiền thì ông và bà E, chị N, anh T1 thỏa thuận lãi suất vay là 1.5%/tháng.

Nay ông Lưu Phương T yêu cầu bà E, chị N phải liên đới trả cho ông số tiền nợ vay là 120.000.000đồng và 11 chỉ vàng 24K và yêu cầu tính lãi suất trên số tiền là 120.000.000đồng từ ngày 29/09/2013 đến thời điểm tòa án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất là 1,5%/tháng tạm tính đến 19/4/2024 là $136 \text{ tháng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 120.000.000\text{đồng} = 244.800.000\text{đồng}$, không yêu cầu tính lãi suất của 11 chỉ vàng 24K. Ông T thừa nhận bà E và chị N có đóng lãi cho ông số tiền được là 61.000.000đồng và còn nợ lại số tiền nợ lại là 183.800.000đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi ông yêu cầu bà E và chị N trả tiền là 303.800.000đồng. Yêu cầu anh T1 phải trả cho tôi số tiền nợ vay là 10.000.000đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 04/12/2016 đến thời điểm tòa án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất là 2%/tháng tạm tính lãi suất đến ngày 19/4/2024 là $97 \text{ tháng} \times 2\%/\text{tháng} \times 10.000.000\text{đồng} = 19.400.000 \text{ đồng}$. Tổng số nợ gốc và lãi ông yêu cầu anh T1 thực hiện việc trả là 29.400.000đồng. Nay ông T yêu cầu chị N và anh T1 phải trả cho ông số tiền nêu trên là 40.000.000đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 29/11/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính lãi suất đến ngày 19/4/2024 là $11 \text{ năm } 2 \text{ tháng} \text{ với mức lãi suất là } 1,5\%/\text{tháng} \times 40.000.000\text{đồng} = 80.400.000\text{đồng}$. Tổng số tiền ông yêu cầu chị N và anh T1 trả nợ cho ông là 120.400.000đồng. Yêu cầu trả làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Lê Thị E trình bày: Bà xác định chỉ có mình bà vay của ông T theo biên nhận ngày 29/9/2013 mà bà chỉ vay của ông T số tiền là 110.000.000đồng và 07 chỉ vàng 24K chứ không đúng như ông T trình bày do lúc ký biên nhận ông T ghi là 120.000.000đồng và 11 chỉ vàng 24K nói chứ ghi vậy đi rồi sẽ cho vay thêm có gì đâu nhưng thực chất ông T không có cho bà vay thêm số tiền và vàng nào hết. Bà xác định có trả cho ông T số tiền nợ gốc tổng cộng là 61.000.000đồng còn nợ lại là 49.000.000đồng và 07 chỉ vàng 24K chưa trả cho ông T có chữ ký nhận tiền của ông T. Bà đồng ý trả số tiền 49.000.000đồng và 07 chỉ vàng 24K cho ông T nhưng do hoàn cảnh kinh tế của bà khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến hết số nợ và sẽ tiếp tục trả số vàng nêu trên cho ông T. Bà không đồng ý đối với yêu cầu của ông T yêu cầu bà và

chị N cùng liên đới trả số tiền nợ vay là 120.000.000đồng và 11 chỉ vàng 24K do chị N không có tham gia vay tiền với bà. Bà xác định khi vay tiền của ông T không có thỏa thuận trả về lãi suất. Đối với yêu cầu tính lãi của ông T yêu cầu bà, chị N phải liên đới trả cho ông T số tiền nợ vay là 120.000.000đồng và 11 chỉ vàng 24K và yêu cầu tính lãi suất trên số tiền là 120.000.000đồng từ ngày 29/9/2013 đến thời điểm tòa án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất là 1,5%/tháng, không yêu cầu tính lãi suất của 11 chỉ vàng 24K, thì bà đồng ý trả là 49.000.000đồng và 07 chỉ vàng 24K cho ông T nhưng do hoàn cảnh kinh tế của bà khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến hết số nợ và sẽ tiếp tục trả số vàng nêu trên cho ông T và không đồng ý với yêu cầu tính lãi do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

Bị đơn chị Lê Thị Kim N trình bày: Chị xác định chị không tham gia vay tiền của biên nhận ngày 29/9/2013 mà ông T yêu cầu chị liên đới với bà E trả cho ông, chữ ký trong biên nhận này cũng không phải của chị ký và chị không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Đối với yêu cầu liên đới thực hiện việc trả số tiền nợ là 120.000.000đồng và 11 chỉ vàng 24K thì chị không đồng ý và cũng không đồng ý với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Chị xác định không có việc thỏa thuận lãi suất khi vay tiền như nguyên đơn trình bày và nguyên đơn đồng ý cho gia đình bị đơn thực hiện việc trả dần. Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu anh T1 và chị phải trả cho ông T số tiền nợ vay theo biên nhận ngày 29/11/2013 yêu cầu chị và anh T1 phải trả cho ông T số tiền nêu trên là 40.000.000đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 29/11/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,5%/tháng thì chị không đồng ý vì chị và anh T1 đã thực hiện trả xong cho nguyên đơn và cũng có ghi vào sổ có chữ ký tên xác nhận của nguyên đơn là đã trả xong. Chị xác định việc trả cho ông T số tiền 40.000.000đồng từ 29/11/2014 mỗi tháng trả 1.000.000 đồng tiền gốc có ghi vào sổ có chữ ký của ông T đến 15/8/2018 thì trả xong.

Bị đơn anh Võ Thanh T1 trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu anh phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay là 10.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 04/12/2016 đến thời điểm tòa án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất là 2%/tháng thì anh không đồng ý vì anh đã thực hiện trả xong cho nguyên đơn và ghi vào sổ nợ có nguyên đơn ký tên vào xác nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lưu Phương T rút lại toàn bộ yêu cầu tính lãi đối với từng khoản tiền vay nêu trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 132/2024/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Điều 26, Điều 35; Điều 92, Điều 235, Điều 266, Điều 267 và Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Phương T.
- Buộc bà Lê Thị E và chị Lê Thị Kim N có trách nhiệm trả cho ông Lưu Phương T số tiền nợ vay gốc là **120.000.000** đồng và số vàng còn nợ là **11** chỉ vàng 24Kara.
- Không chấp nhận yêu cầu của ông Lưu Phương T yêu cầu chị Lê Thị Kim N và anh Võ Thanh T1 có trách nhiệm trả cho ông T số tiền vay là 40.000.000 đồng
- Không chấp nhận yêu cầu của ông Lưu Phương T yêu cầu anh Võ Thanh T1 có trách nhiệm trả cho ông Lưu Phương T số tiền vay là 10.000.000 đồng.
- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của ông Lưu Phương T.
- Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà E, chị N, anh T1 chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/5/2024, nguyên ông đơn Lưu Phương T có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo 1 phần bản án sơ thẩm đối với bị đơn Võ Thanh T1 và Lê Thị Kim N. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Võ Thanh T1 và vợ là Lê Thị Kim N trả số tiền 40.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 29/11/2013 và anh T1 trả số tiền 10.000.000 đồng trong biên nhận ngày 04/12/2016 Á.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Lưu Phương T và bị đơn chị Lê Thị Kim N và anh Võ Thanh T1 thỏa thuận: Anh T1 trả cho ông T số tiền là 10.000.000 đồng, ông T không yêu cầu chị N, anh T1 liên đới trả số tiền là 40.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa ông Lưu Phương T và chị Lê Thị Kim N, anh Võ Thanh T1 tại phiên tòa.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Lưu Phương T, sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ và phù hợp.

Đơn kháng cáo của ông Lưu Phương T làm trong hạn luật định và đúng trình tự theo quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lưu Phương T rút một phần yêu cầu khởi kiện là rút toàn bộ yêu cầu tính lãi đối với từng khoản tiền vay. Án sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của ông Lưu Phương T nhưng phần quyết định của bản án không căn cứ vào điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ là còn thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung vụ án: Theo ông Lưu Phương T trình bày, ngày 29/9/2013 ông có cho bà Lê Thị E và chị Lê Thị Kim N vay số tiền là 120.000.000đồng và 11 chỉ vàng 24k, có làm biên nhận bà E và chị N có ký tên xác nhận. Thỏa thuận nếu ông cần sẽ báo trước cho bà E 03 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng, bà E và chị N đã trả lãi cho ông được 61.000.000đồng, vốn hiện bà E và chị N chưa trả. Ngày 29/11/2013 anh Võ Thanh T1 và chị N có vay của ông số tiền là 40.000.000đồng, thỏa thuận khi nào ông cần sẽ thông báo trước 03 tháng cho anh T1, chị N, khoản tiền này anh T1, chị N chưa trả. Ngày 04/12/2016 anh T1 có vay của ông số tiền là 20.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, hẹn khi nào ông lấy lại thì cho anh T1 hay trước 01 tháng, số tiền này anh T1 đã trả cho ông được 10.000.000đồng và hiện còn nợ lại 10.000.000đồng. Nay ông yêu cầu bà E và chị N liên đới trả cho ông số tiền là 120.000.000đồng và 11 chỉ vàng 24k, chị N và anh T1 trả cho ông 40.000.000đồng, anh T1 trả cho ông 10.000.000đồng.

Theo trình bày của bà E, chị N và anh T1: ngày 29/9/2013 bà E có vay của ông T số tiền là 110.000.000đồng và 07 chỉ vàng 24k, khi vay ông T làm biên nhận là 120.000.000đồng và 11 chỉ vàng 24k, khi ký tên vào biên nhận bà E có hỏi thì ông T nói để ông đưa thêm nhưng sau đó ông T không đưa. Số tiền và vàng trên là do bà E vay không liên quan đến chị N, khi vay ông T không có thỏa thuận về việc trả lãi. Sau đó bà E đã trả được 61.000.000đồng tiền vốn. Nay ông T yêu cầu bà E và chị N trả số tiền 120.000.000đồng và 11 chỉ vàng 24k, bà E và chị N không đồng ý vì chị N không có vay, bà E chỉ đồng ý trả cho ông T 49.000.000đồng và 07 chỉ vàng 24k nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng. Đối với khoản vay 40.000.000đồng và 20.000.000đồng của ông T chị N và anh T1 thừa nhận có vay nhưng anh, chị đã trả xong cho ông T, số tiền 40.000.000đồng trả mỗi tháng 1.000.000đồng từ ngày 29/11/2014 đến ngày 15/8/2018 thì trả xong, ông T có ký tên xác nhận. Số tiền 10.000.000đồng còn lại anh T1 cũng đã trả xong và có ghi vào sổ nợ có chữ ký xác nhận của ông T. Anh T1 và chị N không đồng ý với yêu cầu của ông T.

Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, ông T không đồng ý nên có yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm ông Lưu Phương T và anh Võ Thanh T1, chị Lê Thị Kim N thỏa thuận anh T1 có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền là 10.000.000đồng, ông T không yêu cầu chị N và anh T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền là 40.000.000đồng. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự và sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Phương T yêu cầu bà Lê Thị E và chị Lê Thị Kim N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền là 120.000.000 đồng và 11 chỉ vàng 24k. Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu này của ông T buộc bà Lê Thị E và chị Lê Thị Kim N có trách nhiệm trả cho ông Lưu Phương T số tiền nợ vay là 120.000.000đồng và 11 chỉ vàng 24k. Phần này ông T, bà E, chị N và anh T1 không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào thông tin giao dịch giá vàng 24k tại địa phương vào thời điểm xét xử sơ thẩm là 7.400.000đồng/01 chỉ vàng 24k để tính án phí là có cơ sở.

Ông Lưu Phương T là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên ông T được xem xét miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật. Anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điều 300, khoản 2 điều 308, điều 309, khoản 2 điều 148, điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 463, điều 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 132/2024/DS-TS ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Buộc bà Lê Thị E và chị Lê Thị Kim N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lưu Phương Tử S tiền là 120.000.000đồng và 11 chỉ vàng 24k.

Anh Võ Thanh T1 có nghĩa vụ trả cho ông Lưu Phương Tử S tiền là 10.000.000đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của ông Lưu Phương T.

4. Về án phí: Bà Lê Thị E và chị Lê Thị Kim N liên đới chịu là 10.070.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Võ Thanh T1 phải chịu là 500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Lưu Phương T.

Kể từ ngày ông Lưu Phương T yêu cầu thi hành án, nếu bà E, chị N, anh T1 chậm thi hành các khoản tiền trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyết Linh

